

**QUAN HỆ QUỐC TẾ****MỘT VÀI GƯƠNG MẶT LÃNH ĐẠO MỚI  
Ở CHÂU MỸ LATINH**

Đỗ Trọng Quang

**Tổng thống Michelle Bachelet  
của Chile**

Việc bà Michelle Bachelet nhậm chức Tổng thống ngày 11/3/2006 được coi là dấu hiệu mở ra một thời kỳ chính trị mới cho phụ nữ Mỹ Latinh. Chẳng những bà là nữ nguyên thủ quốc gia đầu tiên được dân cử ở châu lục này mà việc làm thứ nhất của bà trên cương vị tổng thống là thành lập một nội các gồm số bộ trưởng nam và nữ ngang nhau. Michelle Bachelet lên cầm quyền trong một bối cảnh không ổn định của nền chính trị Mỹ Latinh. Liên minh *Concertación* - liên minh trung tả - trong đó có đảng Xã hội của bà, đã lãnh đạo đất nước trong 17 năm thành công về kinh tế mà ít chính phủ nào trước đó ở châu Mỹ Latinh đạt được. Đây là một trong các liên minh nắm quyền liên tục lâu nhất.

Mặc dù được coi là một quốc gia thiên tả giống như nước Venezuela của Hugo Chavez, nhưng Chile của Bachelet thực ra đi theo một đường lối chính trị khác. Các chính phủ của liên minh *Concertación* được biết đến bởi chiều hướng ôn hòa, trung lập, và quan hệ mật thiết với Washington. Nhiều người đặt câu hỏi, làm thế nào Bachelet nắm giữ chức vụ Tổng thống trong khi đứng đầu một liên minh đã tỏ ra mệt mỏi sau 17 năm cầm quyền? Thành công về kinh tế đã bảo đảm cho thắng lợi của *Concertación* đến mức nào? Đây là những thách thức mà Bachelet phải đương đầu với tư cách người lãnh đạo

một liên minh với những vấn đề quan trọng của quốc gia còn chưa được giải quyết? Cuối cùng, cái chết của tướng Augusto Pinochet và thắng lợi của bà Bachelet có phải là bước mở đầu một nền dân chủ và một kỷ nguyên chính trị mới ở Chile không?

Liên minh *Concertación* được tạo dựng từ một phe đối lập công kênh và chia rẽ, muốn đánh đổ Tổng thống Pinochet trong một cuộc trưng cầu dân ý về quyền thống trị liên tục của ông ta. Thất bại thảm hại của Pinochet trong cuộc trưng cầu dân ý đó đã hạ bệ nhà độc tài từng thống trị Chile bằng bàn tay sắt sau cuộc đảo chính ngày 11/9/1973. *Concertación* đã thành lập lên những chính phủ thành công nhất trong lịch sử Chile, bầu hai tổng thống thuộc đảng Dân chủ Thiên chúa giáo là Patricio Aylwin (1990-1994) và Eduardo Frei (1994-2000), và hai đảng viên Xã hội là Ricardo Lagos (2000-2006) và Bachelet (2006-2010).

Tuy thắng lợi trong tất cả các cuộc bầu cử, *Concertación* đã biểu lộ dấu hiệu của một liên minh đang già đi. Làm thế nào Bachelet thắng cử trong khi cử tri đã mệt mỏi vì một liên minh già đi đó? Đưa Bachelet ra tranh cử là một sáng kiến tuyệt vời của *Concertación* vì chuyện đời của bà rất hấp dẫn. Người phụ nữ hầu như chẳng được ai biết đến, Michelle Bachelet, đã bắt đầu sự nghiệp là một bác sĩ nhi khoa thường làm việc với

những người nghèo khó, bà được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Y tế năm 2000. Năm 2002, bà trở thành người phụ nữ Mỹ Latinh đầu tiên giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng. Vốn là con gái vị tướng không quân Alberto Bachelet từng bị tra tấn và chết trong nhà tù vì không theo Pinochet, bà Michelle Bachelet và mẹ cũng bị nhà cầm quyền quân sự giam cầm và tra tấn ở trại giam Villa Grimaldi khét tiếng.

Việc bổ nhiệm Bachelet đã có tác động đối với phụ nữ Chile. Là một người đàn bà đã ly dị ở một đất nước mãi đến năm 2004 mới hợp pháp hóa việc ly hôn, bà không hợp với khuôn mẫu cổ truyền của ứng cử viên tổng thống Chile. Bà tự cho mình là một ứng cử viên của sự thay đổi, mặc dù bà đại diện cho một liên minh đã cầm quyền 17 năm. Mới đầu, Bachelet phải đối đầu với Joaquín Lavín, người cầm cờ của *Alianza*, liên minh các đảng phái hữu. Lavín là cựu thị trưởng Las Condes, một trong các thành phố giàu nhất Chile, và sau đó là thị trưởng Central Santiago. Sự chia rẽ của phái hữu đã giúp *Concertación* giành được chiến thắng, ngoài ra sự mới lạ của một phụ nữ tranh cử tổng thống đã biến Bachelet thành một ứng cử viên của sự thay đổi và Joaquín Lavín thành người của nguyên trạng.

Ứng cử viên thứ hai của phái hữu cũng chịu thất bại. Đó là nhà doanh nghiệp giàu có Sebastián Pinera, đại diện một chính đảng lớn khác ở Chile là đảng Đối mới Quốc gia. Ở vòng bầu cử thứ nhất, Bachelet giành được 46%, Pinera 25%, và Lavín 23% số phiếu. Bachelet được thêm 5% nữa ở vòng hai, đánh bại Pinera. Nếu phái hữu không chia rẽ nội bộ, thì kết quả bầu cử có thể khác, vì thắng lợi của Bachelet ở vòng một khá mong manh. Ngoài ra, phái hữu còn mang tiếng là gắn bó với chính quyền Pinochet trước

kia. Quả thật sau bầu cử, Joaquín Lavín tự kiểm điểm là đã mù quáng theo Pinochet, và tuyên bố rằng Chile đừng bao giờ để nhân quyền bị quân đội vi phạm nữa. Mấy tháng sau cuộc bầu cử, khi Pinochet chết, cả hai ứng cử viên của phái hữu đều không có mặt trong lễ tang.

Ngoài mô hình chính trị, mô hình kinh tế của Chile cũng được khen ngợi là đáng để các nước khác ở châu Mỹ Latinh bắt chước. Từ năm 1990 đến 2005, GDP tăng trưởng trung bình mỗi năm trên 5,6%, riêng năm 1995 đạt 10%. Các chính phủ dân chủ kiểm chế lạm phát rất thành công, tỉ lệ lạm phát là dưới 10% từ năm 1995 và dưới 4% từ năm 1999. Chile có GDP trên đầu người cao nhất Nam Mỹ năm 2005, và từ năm 1990 đến 2005, nạn thất nghiệp trung bình hàng năm chưa đến 10%. Trong Quý III năm 2006, nạn thất nghiệp giảm xuống 7,4%.

Nhìn lại quãng đường qua, hình như chính phủ Bachelet đã có bước khởi đầu tốt, nhưng tình trạng hứng khởi đó không kéo dài. Michelle Bachelet vận động tranh cử với lời hứa giảm tình trạng bất bình đẳng và giải quyết những vấn đề mà nhân dân phải đối mặt. Trung thành với lời hứa, bà nhanh chóng cải thiện sự chăm sóc y tế cho người già, tăng số nhà trẻ do chính phủ quản lý và cung cấp việc làm thêm cho những người nghèo nhất. Bà cũng ban hành một loạt đạo luật cải tiến giáo dục và thúc đẩy việc hướng nghiệp. Bà đề nghị thành lập Bộ Môi trường mới và Bộ An ninh Xã hội, cố gắng sửa đổi Hiến pháp để cải cách chế độ bầu cử quốc hội mà Pinochet áp đặt.

Tuy nhiên, Tổng thống gặp rắc rối ở đầu nhiệm kỳ do một loạt biến cố không lường trước. Cuối tháng 4/2006, vài tuần sau khi bà nhậm chức, học sinh trung học tổ chức một cuộc biểu tình nhỏ để phản đối việc tăng lệ phí

thi vào đại học và những hạn chế đối với vé xe buýt không mất tiền. Cuộc phản kháng nhanh chóng leo thang thành sự phản đối bất bình đẳng và tình trạng kém cỏi của giáo dục. Hơn 600 học sinh bị bắt giam và nhiều người bị thương vì xô xát. Ngày 30/5, khoảng nửa triệu học sinh tham gia một cuộc phản kháng mới, và trong những cuộc phản kháng sau đó vào đầu tháng 6, số người biểu tình còn tăng thêm nữa khi học sinh được phụ huynh và sinh viên đại học ủng hộ. Học sinh cho rằng đề nghị ban đầu của Tổng thống dự định chi phí 60 triệu đôla cho giáo dục là không đủ. Cuối cùng bà Bachelet đồng ý chi thêm 20 triệu đôla nữa trong ngân sách giáo dục hàng năm, tức là tăng 2,8%, duy trì vé xe buýt không mất tiền cho học sinh, miễn phí cho học sinh thi vào đại học, ngoại trừ 20% học sinh giàu nhất. Thêm vào đó, Bachelet thông báo thành lập một ủy ban để nghiên cứu cải cách nhằm giảm tình trạng bất bình đẳng và cải thiện hệ thống giáo dục.

Tổng thống đã bị chỉ trích kịch liệt. Bà không lường trước được mức độ và quy mô cuộc phản kháng đã gây ấn tượng không tốt đối với những khẳng định của bà về việc chú ý sát sao đến những thách thức hàng ngày mà dân Chile phải đối mặt. Bachelet phản ứng bằng cách phê phán Chính phủ của mình và thông báo một cuộc cải tổ Nội các, thay thế các Bộ trưởng Nội vụ, Kinh tế, và Giáo dục. Mặc dù vậy, đối với hầu hết những người phê phán, thì việc thay thế bộ trưởng không đủ giải quyết những vấn đề sâu xa hơn trong chính quyền.

Việc đối xử thô bạo với cuộc phản kháng của học sinh đã khiến dư luận lên án chính phủ là bất lực và do dự. Đơn ứng cử của Venezuela vào ghế ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo

an Liên Hợp Quốc lại gây ra một cuộc tranh luận trong nội bộ *Concertación* về việc Chile nên bỏ phiếu thế nào. Bachelet thoát đầu gợi ý rằng bỏ phiếu ủng hộ Venezuela sẽ tăng cường tình đoàn kết trong khu vực và tỏ ra độc lập với chính quyền Bush, vốn ủng hộ đơn ứng cử của Guatemala. Nhưng Chủ tịch đảng Dân chủ Thiên chúa giáo là Soledad Alvear hăng hái ủng hộ Guatemala, và Ngoại trưởng Alejandro Foxley, cũng thuộc đảng Dân chủ Thiên chúa giáo, thẳng thừng tuyên bố chống đơn ứng cử của Venezuela.

Trong khi các đảng phái tả trong liên minh về cơ bản ủng hộ Venezuela, thì Tổng thống Hugo Chavez của nước đó công khai chỉ trích ông Bush tại Liên Hợp Quốc, làm phức tạp thêm lập trường của Chile. Những phát giác mới về kế hoạch của Hugo Chavez trù tính cung cấp viện trợ để xây dựng căn cứ quân sự ở Bolivia, một nước đang tranh chấp lãnh thổ với Chile và có một quá khứ không thiện cảm với Chile, càng khiến vấn đề rắc rối thêm.

Phái tả càng khó tiếp tục ủng hộ đơn ứng cử của Venezuela khi đại sứ nước này tại Chile, ông Víctor Delgado, nói rằng ông không ngạc nhiên về việc đảng Dân chủ Thiên chúa giáo chống nỗ lực của Venezuela, vì đảng này đã có lập trường phản tiến bộ khi ủng hộ cuộc đảo chính chống lại Tổng thống thuộc đảng Xã hội Salvador Allende của Chile năm 1973 và âm mưu đảo chính lật đổ Hugo Chavez năm 2002. Lời bình luận đó được coi là can thiệp vào công việc chính trị nội bộ của Chile. Cuối cùng, Chile bỏ phiếu trắng ở vòng thứ nhất cuộc bầu cử, khiến nhiều người nghĩ rằng một lần nữa chính phủ lại do dự.

Tai tiếng về tham nhũng là điều phiến toái cuối cùng trong những

tháng đầu cầm quyền của bà Bachelet. Mặc dù Chile là nước ít tham nhũng nhất châu Mỹ Latinh, đứng hàng 20 về ít tham nhũng nhất trên thế giới, nhưng trong *Concertación* vẫn có hiện tượng tham nhũng từ lúc liên minh đó cầm quyền. Một vụ tai tiếng dính líu đến Bộ Công chính đã gây khó khăn cho chính phủ Lagos trước kia về chuyện cung cấp những hợp đồng gian dối.

Một trong những vấn đề Bachelet phải giải quyết là vụ bê bối tài chính ở *Chiledeportes*, một cơ quan chính phủ có trách nhiệm thúc đẩy hoạt động thể thao. Tiên cơ quan cấp không đến tay người được trợ cấp, mà rơi vào túi một số ứng cử viên quốc hội thuộc *Concertación* năm 2005. Tổng thống hứa điều tra cận kề, tuy nhiều đảng viên của đảng bà có thể ngăn cản. Tất cả các sai lầm này đều ảnh hưởng đến uy tín của bà, làm giảm từ 54% đầu tháng 5/2006 xuống 43% vào tháng 7. Uy tín đó tăng chút ít lên 46% vào tháng 10, nhưng bà chưa lấy lại được sự ủng hộ của đa số.

Tuy bỏ phiếu cho một liên minh đã cầm quyền nhiều năm, nhưng cử tri bầu cho bà Bachelet cũng gửi một thông điệp đòi thay đổi, Tổng thống phải hứa giải quyết những băn khoăn hàng ngày của mọi người. Mặc dù Chile thành công về kinh tế vĩ mô và giảm được tình cảnh nghèo khổ chung, nhưng thu nhập ngày càng chênh lệch. Chile cùng với Colombia và Brazil là những nước ít công bằng nhất thế giới, một bộ phận lớn dân chúng vẫn nghèo khó cùng cực, mặc dù chính phủ cố gắng ở mức cao nhất. Các giai cấp xã hội ở Chile có những cuộc sống khác nhau rất nhiều, hệ thống y tế và giáo dục tư nhân hóa làm lợi cho giai cấp trung và thượng lưu. Sự ngạc nhiên của bà Bachelet trước cuộc nổi dậy dữ dội của học sinh

chúng tỏ bà không hiểu nổi thất vọng sâu sắc về tình trạng bất bình đẳng trong nước.

Chất lượng giáo dục ở Chile còn kém, giáo viên không có uy tín và được trả lương thấp là triệu chứng của những vấn đề lớn hơn ở hệ thống giáo dục kế thừa của chính quyền quân sự. Tư nhân hóa cũng tác động đến chế độ chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội. Hệ thống chăm sóc sức khỏe được tư nhân hóa chỉ phục vụ được khoảng 18% dân chúng, số còn lại đành trông cậy vào hệ thống chất lượng thấp và được tài trợ ít ỏi của nhà nước. Tổng thống Lagos trước đây đã thi hành một cuộc cải tổ nhằm chạy chữa kịp thời, không thu tiền hoặc chỉ thu ít tiền, đối với 56 bệnh trầm trọng nhất, nhưng vẫn quá sớm để nói rằng chủ trương đó đã chăm sóc sức khỏe có chất lượng cho tất cả mọi người.

### Tổng thống Rafael Correa của Ecuador

Ông Rafael Correa, một nhà kinh tế học phái tả 43 tuổi, đã giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 2006 ở Ecuador. Vị nguyên giáo sư đại học này phải chạy đua với nhiều ứng cử viên khác, trong đó có người giàu nhất Ecuador là Alvaro Noboa ở một cuộc đấu mà ông miêu tả là trận vật lộn giữa anh chàng tí hon với người khổng lồ. Là một tỉ phú thừa kế các cơ sở kinh doanh chuỗi của bố, Noboa đối mặt Correa với một quyết tâm chiến thắng nhằm giành chức tổng thống. Giữa hai đối thủ có nhiều điểm khác biệt. Là người toàn tâm toàn ý ủng hộ chủ nghĩa tư bản, Noboa tuyên bố sẽ mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài và khởi đầu một kỷ nguyên tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, trong khi Correa hứa chấm dứt "đêm dài và buồn bã của chủ nghĩa tự do mới". Noboa dẫn lời Cựu Tổng thống Mỹ là

Ronald Reagan, còn Correa thì bày tỏ sự khâm phục Tổng thống Hugo Chavez của Venezuela. Ông Noboa vung hàng triệu đôla cho cuộc vận động tranh cử, trong khi nguyên giáo sư Correa khẩn thiết yêu cầu cử tri đừng mắc lừa nhà tỉ phú.

Những phê phán gay gắt của Correa đối với nền kinh tế tự do mới đã khiến ông được xếp vào vào hàng ngũ các nhà lãnh đạo Mỹ Latinh khuynh tả. Nhưng sau khi ánh sáng của thắng lợi diệu kỳ đã mờ nhạt, thì Rafael Correa phải đối mặt với những thách thức to lớn. Làm thế nào giữ được lời hứa đầy tham vọng lúc tranh cử, làm thay đổi nước Ecuador vốn bất ổn nhất trong khu vực về chính trị.

Từ năm 1997, ba tổng thống là Abdala Bucaram, Jamil Mahuad, và Lucio Gutiérrez đã phải rời bỏ chức vụ trước khi kết thúc nhiệm kỳ. Cả ba tổng thống đều bị coi là nhà lãnh đạo tham nhũng và không hiệu quả. Nếu như có sự đồng thuận chính trị toàn quốc, thì đây là niềm tin của nhiều người rằng một lớp chính khách tham nhũng và tư lợi đã làm hỏng thể chế chính trị. Trong cuộc nổi dậy lật đổ Tổng thống Gutiérrez năm 2005, những người phản đối ở Ecuador đã nêu khẩu hiệu phổ biến tại Argentina là "Ném chúng ra ngoài!". Correa đã khôn khéo lợi dụng cơn khủng hoảng của Ecuador. Trong cuộc vận động tranh cử, ông đưa ra một đề nghị táo bạo để biến đổi nền chính trị, kêu gọi thành lập một hội đồng lập hiến có đầy đủ quyền hành để soạn một hiến pháp hoàn toàn mới.

Cách đây hai năm, Correa là một giáo sư được kính trọng, có bằng tiến sĩ của trường đại học Illinois nhưng không được ai biết đến về hoạt động chính trị. Ông bước lên vũ đài chính trị vào tháng 4/2005, khi được Quyền tổng thống Alfredo Palacio bổ nhiệm

làm Bộ trưởng Kinh tế, nhưng không làm việc lâu ở bộ. Cuối năm 2005, Correa bắt đầu đặt cơ sở cho ý đồ tranh cử tổng thống, nhưng ngay cả những cố vấn thân cận nhất của ông cũng cho rằng nỗ lực đó không thành công, hầu hết các nhà phân tích đều tập trung chú ý vào người có khả năng thắng cuộc là León Rondós. Được coi như một người ôn hòa của phái tả, Rondós là một công chức đáng kính, em trai của Tổng thống Jaime Rondós đã chết trong một tai nạn máy bay năm 1981.

Trong khi Correa và Rondós đang tranh giành nhau, thì đảng Dân chủ Thiên chúa giáo giới thiệu một nữ ứng cử viên là Cynthia Viteri, nhưng triển vọng của bà này khá mờ nhạt lúc tỉ phú Noboa nhảy vào cuộc. Được rèn luyện trong đời sống chính trị dân túy vùng Guayaquil quê hương ông, Noboa hứa với cử tri rằng chính phủ ông sẽ tạo thêm một triệu việc làm mới, xây 300.000 ngôi nhà mới mỗi năm, và cho các doanh nghiệp nhỏ vay hàng triệu đôla.

Lợi thế của Noboa trong cuộc vận động tranh cử là của cải giàu có, các mạng lưới tổ chức rộng rãi, cơ sở hậu thuẫn ở các tỉnh ven biển đông dân nhất, và kinh nghiệm rút ra từ hai cuộc tranh cử trước. Là chủ nhân hơn 100 doanh nghiệp, ông huy động được một mạng lưới rộng rãi nhân viên vào cuộc vận động. Cuộc vật lộn giữa Noboa với các đối thủ, nhất là với Correa, diễn ra quyết liệt. Về phía Correa, nhóm ông cũng chỉnh đốn lại để chuẩn bị cho chặng đua cuối cùng. Thông điệp của Correa về cải cách chính trị được cử tri thành thị, những người có học vấn, và tầng lớp trung lưu hưởng ứng, nhưng ông muốn nắm được cả cử tri nông thôn và người có thu nhập thấp. Bất chước các đối thủ, Correa tập trung vào chính sách kinh tế và xã hội, đề ra một chương trình

nhà ở do chính phủ trợ cấp, cho các xí nghiệp nhỏ vay vốn. Ở những tỉnh nông dân tràn trở về tác động của tự do hóa thương mại, Correa nhấn mạnh rằng ông phản đối thương lượng về tự do thương mại với Hoa Kỳ.

Phong cách tranh cử của Correa và Noboa cũng rất khác nhau. Noboa tặng xe lăn cho người tàn tật, tặng máy vi tính cho trường học, phát cho người kinh doanh nhỏ từ 500 đến 1.000 đôla. Là kẻ sùng đạo, Noboa tự cho mình là “chiến binh của Thượng đế”. Lúc kết thúc cuộc tập hợp dân chúng, ông cầm quyền kinh thánh quỳ xuống cầu nguyện rồi thét lên “Ecuador, tôi yêu người”. Trái lại, Correa vừa hát vừa gảy đàn ghi-ta, mỉm cười với các thanh niên xúm quanh sân khấu, trông như một diễn viên hơn là một chính khách. Và tỏ ra là người Công giáo chăm đi lễ nhà thờ, Correa để người ta chụp ảnh mình dự lễ Mixa.

Phát thanh, truyền hình, Internet đều được hai đối thủ sử dụng để lên án nhau. Noboa tố cáo Correa nhận tiền của Hugo Chavez và có thiện cảm với quân nổi dậy ở Colombia, còn Correa thì đả kích Noboa là ngược đãi công nhân, trả công thấp cho người trồng chuối. Trong đêm bầu cử, phương tiện truyền thông đại chúng báo trước thắng lợi của Correa khiến Noboa choáng váng, ông vội đến đài truyền hình khăng khăng nói rằng mình mới thắng cử. Hôm sau, Noboa im lặng chẳng nói nửa lời, kết quả cho biết ông được 43% số phiếu trong khi Correa được 57%.

### **Bước ngoặt của nước Nicaragua do ông Daniel Ortega lãnh đạo**

Daniel Ortega, vốn không phải là nhà lãnh đạo mới của Nicaragua vì đã từng cầm quyền ở nước này cách đây 16 năm và đã phải im hơi lặng tiếng khi thất bại trước Violeta Chamorro, nay lại trở về cương vị nguyên thủ quốc gia

với một đường lối mới. Ngày 5/11/2006, Nicaragua tổ chức một cuộc bầu cử tự do và công bằng để chọn Tổng thống, Phó Tổng thống, đại biểu Quốc hội, và đại diện ở Nghị viện Trung Mỹ. Quá khứ của Ortega khiến nhiều người tự hỏi không hiểu ông có theo Hugo Chavez ở Venezuela thách thức nước Mỹ không, hay liệu ông có đưa ra những biện pháp cấp tiến trong nước như quốc hữu hóa doanh nghiệp không.

Trên thực tế, Tổng thống Daniel Ortega phải hành động do bị o ép, và với xu hướng thực dụng. Chính sách của ông có thể phản ánh hoàn cảnh kinh tế hiện thời hơn là theo chiều hướng trước đây. Mặc dù chính sách đối ngoại làm cho Ortega tràn trở, nhưng câu hỏi mà ông phải trả lời là, mình sẽ cầm quyền thế nào với một thiểu số ghế trong cơ quan lập pháp. Ortega đạt thắng lợi vì luật bầu cử đã thay đổi, cho phép một ứng cử viên giành được chức vị tổng thống với 35% số phiếu và dẫn trước người theo sát nút ít nhất 5%. Luật mới rất phù hợp với Daniel Ortega vì đảng ông là Mặt trận Giải phóng Dân tộc Sandinista (FSLN), gồm những đảng viên rất trung thành có thể bỏ ít nhất một phần tư số phiếu. Kết quả bầu cử cho biết Ortega được 38% phiếu và dẫn trước người theo sau 9%.

Hoa Kỳ đã từng hy vọng thắng lợi của Chamorro trong cuộc bầu cử năm 1990 sẽ báo hiệu sự kết thúc sự nghiệp chính trị của Ortega và cuộc cách mạng do ông cầm đầu. Cảm thấy người Mỹ có thái độ thù địch với sự ứng cử của mình, Ortega tìm cách xoa tan nỗi lo sợ rằng, thắng lợi của FSLN có nghĩa là chiến tranh bùng nổ trở lại. Chiến lược tranh cử của ông thay đổi, không còn những buổi tập hợp công chúng đồ sộ nữa, mà thay vào đấy là những cuộc gặp gỡ hòa giải giữa Ortega với các phân tử chống phá cách mạng cũ và những người đã rời bỏ FSLN

nhưng bây giờ quay lại ủng hộ. Vợ ông là bà Rosalio Murillo đã thiết kế một cuộc vận động âm thầm khác với nỗ lực ồn ào trước kia của FSLN. Ông Ortega thể rút ra bài học của mình, duy trì nền kinh tế thị trường và hòa bình, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho mọi người, chấm dứt nạn thất nghiệp.

Sau khi quá trình bầu cử được quan sát viên quốc tế của Tổ chức các nước châu Mỹ (OAS), Liên minh châu Âu, và Trung tâm Carter chứng nhận, dân chúng Nicaragua có thái độ chờ xem. Giới kinh doanh không sợ chính phủ ban hành chính sách cực đoan, vì những chính sách đó cũng khiến các nhà tư bản Sandinista thua thiệt. Ortega gửi thông điệp ôn hòa đến báo chí, gặp các nhà tài phiệt và doanh nhân hàng đầu để làm họ yên tâm. Ở những tháng chuyển tiếp sau khi ông thắng cử, Ortega tranh thủ sự ủng hộ của các bộ trưởng chủ chốt trong chính phủ Enrique Bolanos còn cầm quyền, báo để họ biết chính sách kinh tế không thay đổi. Những động tác đó khiến Ortega giữ được lòng tin của nhà đầu tư.

Thắng lợi của Ortega không làm cho Hoa Kỳ hài lòng. Hai tuần lễ trước khi nhân dân Nicaragua đi bỏ phiếu, Chủ tịch Tiểu ban Tây bán cầu là Nghị sĩ Dan Burton cảnh báo rằng, thắng lợi của Ortega sẽ hủy hoại quan hệ với Hoa Kỳ và viện trợ từ nước này. Mấy ngày sau, Nghị sĩ Dana Rohrabacher đề nghị ngăn không cho tiền của người lao động Nicaragua làm việc ở Mỹ gửi về cho gia đình trong trường hợp FSLN giành thắng lợi, vì sợ tiền được dùng vào mục đích khủng bố. Lập trường này cũng được tán thành trong một loạt thư của nhiều nghị sĩ gửi cho Ngoại trưởng Condoleezza Rice, cho thấy một cuộc vận động có phối hợp.

Sau cuộc bầu cử, Hoa Kỳ miễn cưỡng thừa nhận thắng lợi của Daniel

Ortega. Ngoại trưởng Condoleezza Rice nói với Nguyên tổng thống Jimmy Carter rằng, nên xét đoán Ortega qua hành động của ông sau này hơn là qua thời kỳ ông làm tổng thống trước kia. Hai nước đều thăm dò nhau để thiết lập mối quan hệ, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ phụ trách các vấn đề Tây bán cầu là Thomas Shannon gặp Ortega. Tuy nhiên, sự hợp tác có thể được thiết lập trong những lĩnh vực thực tiễn mà cả hai bên đều quan tâm như chống buôn lậu ma túy và xóa đói giảm nghèo, nhưng quan hệ có thể xấu đi nhanh chóng nếu Ortega công kích Mỹ giống như Hugo Chavez.

Daniel Ortega hiểu rất rõ rằng sự thành công trong nhiệm kỳ tổng thống của mình có thể dựa một phần vào sự hào hiệp của Venezuela trong việc đổi dầu lấy lương thực với điều kiện thuận lợi. Tuy vậy, Hoa Kỳ vẫn là nguồn nhập khẩu chủ yếu của Nicaragua và là nơi đến của hàng xuất khẩu của nước này, Ortega không thể làm phương hại đến quan hệ đó. Ông phân vân trong quan hệ với hai nước này.

Lúc Ortega đến thăm thủ đô Caracas của Venezuela tháng 4/2006, Chavez nói trên đài phát thanh rằng ông muốn Ortega thắng cử. Hơn 100 người Nicaragua đến Venezuela để được phẫu thuật mắt miễn phí, đi theo họ là Thị trưởng thủ đô Managua, đảng viên của đảng Sandino là Dionisio Marengo. Chính phủ Venezuela hứa cung cấp dầu cho các thị trường thuộc phái Sandino với điều kiện thanh toán dễ dàng. Phân bón mà Venezuela gửi cho Nicaragua nghe nói chỉ được phân phối ở các thành phố mà FSLN giành thắng lợi trong cuộc bầu cử thị trưởng năm 2004. Nhưng khó mà đánh giá sự can thiệp quốc tế đó.

Giống như các nhà lãnh đạo khác ở châu Mỹ Latinh, Tổng thống Daniel

Ortega cần ban hành chính sách giải quyết nạn thất nghiệp. Phần lớn là người nghèo, những người ủng hộ FSLN mong ông nhanh chóng khắc phục tình hình kinh tế khó khăn. Nicaragua là nước nghèo thứ hai ở Tây bán cầu, theo số liệu dẫn trong một báo cáo của Liên Hợp Quốc thì tổng sản phẩm xã hội là 850 đôla/người, so với mức trung bình ở châu Mỹ Latinh là 2.732 đôla. Thu nhập phân phối rất không đồng đều, 10% dân số giàu nhất nhận được 45% thu nhập của quốc gia, trong khi 10% nghèo nhất được 1%. Lạm phát tuy được kiềm chế, nhưng cuộc sống của dân nghèo vẫn mệt mỏi.

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) ước tính: 29% dân số thiếu dinh dưỡng, 65% bà mẹ sinh con được thầy thuốc chuyên môn chăm sóc. Chỉ 78% dân Nicaragua biết chữ, 64% chưa học hết tiểu học, dưới 20% tốt nghiệp trung học. Năm 2005, có 46% dân số sống nghèo khổ, 15% cực kỳ nghèo khổ. Mặc dù tỉ lệ tăng trưởng đạt trung bình 3% từ năm 2001 đến 2005, nhưng khó mà giảm được tình trạng nghèo khổ ngấm sâu vào cơ thể xã hội đó.

Một cuộc thăm dò dư luận năm 2005 cho biết 52% dân Nicaragua tin rằng thất nghiệp là vấn đề quan trọng nhất của họ; 65% các gia đình nói rằng ít nhất trong nhà có một người lớn thất nghiệp. Chẳng đáng ngạc nhiên khi 15% các gia đình Nicaragua nói rằng ít nhất có một người di cư sang Costa Rica, Hoa Kỳ, Canada, hoặc châu Âu kiếm việc làm. Theo một báo cáo của Liên Hợp Quốc, tiền người lao động ở những nước đó gửi về gia đình được ước tính là vượt 800 triệu đôla mỗi năm.

Sau ngày bầu cử, nhiều tổ chức nước ngoài hứa sẽ giúp chính phủ Daniel

Ortega, ví dụ Liên minh châu Âu cam kết viện trợ khoảng 264 triệu đôla để giúp cho giáo dục và phát triển kinh tế nông thôn. Tuy nhiên, các nhà đầu tư cảnh giác trước nạn tham nhũng trở thành căn bệnh trầm kha ở nước này. Nạn tham nhũng ở Nicaragua được xếp ngang với Zimbabwe, và trước ngày bầu cử, Hoa Kỳ đã tước hộ chiếu nhập cảnh của hàng chục quan chức Nicaragua vì tội tham nhũng, trong đó có hai thẩm phán của Tòa án Tối cao. Dân nghèo Nicaragua muốn lời hứa trong ngày bầu cử được thực hiện nhanh chóng, trong đó có lời cam kết giảm giá vé xe buýt mặc dù giá xăng dầu lên cao. Ở thủ đô Managua, nạn khan hiếm năng lượng buộc phải hạn chế tiêu thụ điện.

Ở châu Mỹ Latinh, Nicaragua đứng hàng thứ ba trong các nước tán thành kinh tế thị trường. Theo điều tra dư luận, 69% người dân nhất trí với lời tuyên bố rằng "Nicaragua chỉ có thể trở thành một nước phát triển khi có nền kinh tế thị trường". Người Nicaragua cũng nhấn mạnh rằng bầu cử và quyền công dân là đặc điểm có ý nghĩa nhất của nền dân chủ. Đây là những giá trị mà tổng thống mới phải chú trọng.

### Kết luận

Ba gương mặt lãnh đạo mới này cho thấy các nước Mỹ Latinh đang cố gắng phát triển. Hoàn cảnh kinh tế và thực tiễn xã hội khiến các nước đó còn phải nỗ lực nhiều để vượt khó khăn, nhưng với sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế và khả năng thích nghi với môi trường chính trị mới, họ có thể đạt nhiều thành công ■

### Tài liệu tham khảo:

1. *Current History*, February 2007
2. *International Politics* 2006